

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 50 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,695.50 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng hơn 6%, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản. Về giao dịch của khối ngoại, khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM, trong đó bán ròng gần 2,000 tỷ trên sàn HSX. VN-Index trở về đỉnh cũ trong ngày hôm nay nhưng chưa thể vượt qua, đồng thời thanh khoản còn khiêm tốn, cho thấy tâm lý thị trường còn e dè. Trong những phiên tới, VN-Index cần vượt qua đỉnh cũ với thanh khoản ủng hộ để xác nhận đà tăng mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+49.68** điểm, đóng cửa tại **1695.5** điểm. HNX-Index **+8.94** điểm, đóng cửa tại **274.69** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+4.47)**, **VPB (+3.90)**, **VIC (+2.83)**, **HPG (+2.82)**, **VHM (+2.55)**.
- Kéo chỉ số giảm: **LPB (-0.46)**, **PGV (-0.05)**, **STG (-0.05)**, **BCG (-0.03)**, **TDM (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **29,587** tỷ đồng, tăng **27.81%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 32,317 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 52.27 điểm. Thị trường có **259** mã tăng, 43 mã tham chiếu, **68** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1858.02** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (-310.77 tỷ)**, **MBB (-278.83 tỷ)**, **FPT (-266.30 tỷ)**, **STB (-211.90 tỷ)**, **VRE (-196.43 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-38.48** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+4.04%**. Các mã diễn biến tích cực:
VCI (+6.97%)
VPB (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+3.15%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+8.87%)
HDG (+7.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
DIG (+6.98%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	4.04%	3.15%	3.02%	3.20%
1 tuần	-2.78%	-3.78%	1.74%	3.05%
1 tháng	-5.74%	-6.37%	1.71%	3.98%
3 tháng	7.45%	11.56%	19.78%	25.48%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,695.50	274.69	109.16
% 1D	3.02%	3.36%	0.13%
GTKL (tỷ VND)	29,587	2,171	478
%1D	27.81%	23.69%	8.25%
GDNN (tỷ VND)	-1858.02	-38.48	-6.31

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	147.69	MWG	-310.77
VIX	147.56	MBB	-278.83
ACB	46.13	FPT	-266.30
GEX	43.77	STB	-211.90
BSR	29.77	VRE	-196.43

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

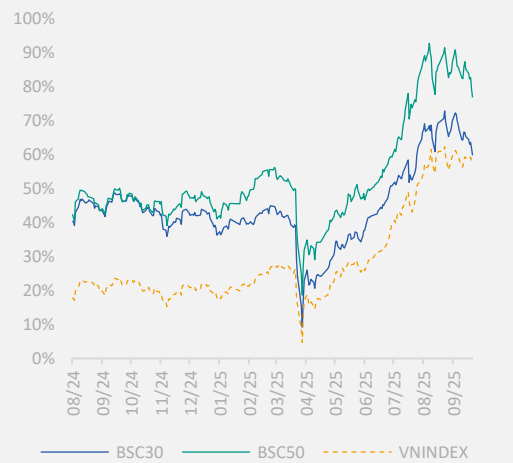
		%D	%W
SPX	6,716	0.01%	1.09%
FTSE100	9,471	-0.21%	1.84%
Eurostoxx	5,620	-0.50%	1.89%
Shanghai	3,883	0.52%	1.59%
Nikkei	47,945	4.75%	6.65%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.51	1.52%
Giá vàng	3,940	1.51%
Tỷ giá		
USD/VND	26,403	-0.06%
EUR/VND	31,683	-0.24%
JPY/VND	180	-1.64%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.8%	0.01%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

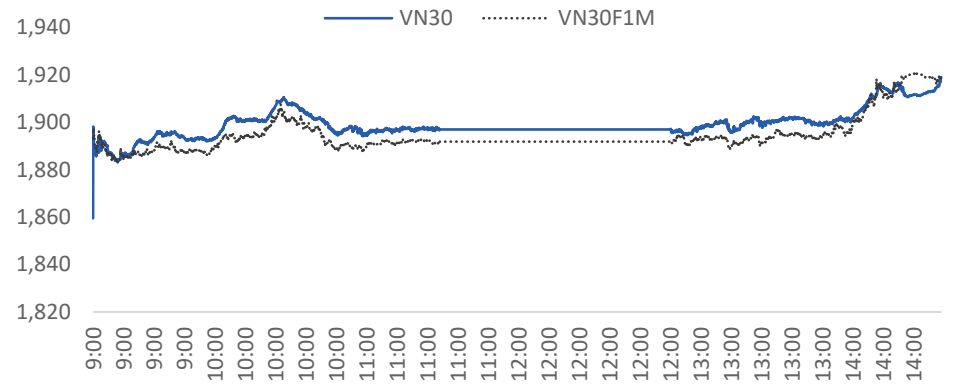
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1917.00	3.07%	1,409	223.9%	20/11/2025	45
41I1FA000	1918.60	3.32%	303,739	14.7%	16/10/2025	10
VN30F2512	1913.00	3.13%	378	5.9%	18/12/2025	73
41I1G3000	1886.00	2.75%	187	117.44%	19/03/2026	164

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +59.46 điểm, đóng cửa tại 1918.97 điểm. Biên độ dao động 60.74 điểm. Các cổ phiếu như HPG, VPB, VIC, STB, ACB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh từ khi mở cửa trong bối cảnh FTSE sắp công bố báo cáo đánh giá phân loại thị trường. Thanh khoản thị trường tăng vượt ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng, chiến lược là Long/Short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2514	14/10/2025	8	1,456,500	0.17%	30.00	2,530	60.1%	2.52	35.06	35.00	35.00
CTPB2507	24/02/2026	141	1,011,100	19.29%	22.00	840	50.0%	0.51	23.68	19.85	19.85
CVRE2517	3/12/2025	58	100	0.40%	28.00	3,570	45.7%	3.66	35.14	35.00	35.00
CHPG2513	20/10/2025	14	181,800	-0.28%	25.72	1,020	37.8%	1.06	29.12	29.20	29.20
CVRE2513	15/12/2025	70	1,385,400	3.71%	30.00	3,150	35.8%	2.83	36.30	35.00	35.00
CACB2503	27/10/2025	21	1,360,100	-0.10%	22.56	2,520	32.6%	2.57	26.77	26.80	26.80
CHPG2515	19/12/2025	74	259,900	5.69%	26.83	1,210	28.7%	1.00	30.86	29.20	29.20
CHPG2526	3/12/2025	58	349,300	7.23%	27.11	1,050	26.5%	0.73	31.31	29.20	29.20
CACB2505	9/10/2025	3	441,600	-0.79%	21.98	1,840	26.0%	1.93	26.59	26.80	26.80
CHPG2504	27/10/2025	21	478,000	-0.19%	24.15	3,000	24.0%	3.08	29.15	29.20	29.20
CHPG2409	4/11/2025	29	313,000	-0.04%	20.82	3,350	23.2%	3.39	29.19	29.20	29.20
CHPG2520	15/12/2025	70	2,110,300	2.09%	23.32	3,900	23.0%	3.72	29.81	29.20	29.20
CVNM2512	14/10/2025	8	441,300	-0.17%	58.92	700	22.8%	0.74	62.30	62.40	62.40
CVRE2519	3/06/2026	240	3,200	13.71%	30.00	2,450	22.5%	1.84	39.80	35.00	35.00
CACB2507	14/10/2025	8	85,600	-0.98%	20.89	3,380	22.5%	3.55	26.54	26.80	26.80
CVPB2509	19/11/2025	44	16,900	-0.50%	22.07	4,790	22.2%	4.94	31.39	31.55	31.55
CHPG2519	14/10/2025	8	175,200	-0.53%	22.48	3,940	22.0%	4.05	29.04	29.20	29.20
CVPB2524	25/06/2026	262	416,600	50.72%	43.11	1,110	22.0%	0.21	47.55	31.55	31.55
CVPB2409	4/11/2025	29	146,800	0.35%	21.42	5,260	21.2%	5.25	31.66	31.55	31.55
CMSN2507	20/10/2025	14	186,900	1.57%	78.00	630	21.2%	0.57	84.30	83.00	83.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 06/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CVRE2514 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 60.13%. CHPG2520 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.33%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CFPT2502, CFPT2510, CTPB2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	64.00	3.73%	4.47	8.36
VPB	31.55	6.95%	3.90	7.93
VIC	179.70	1.81%	2.83	3.88
HPG	29.20	5.61%	2.82	7.68
VHM	102.70	2.70%	2.55	4.11

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	26.70	9.88%	1.54	0.89
MBS	35.60	8.87%	1.18	0.57
CEO	25.40	8.09%	0.76	0.57
NVB	15.20	5.56%	0.65	1.17
HUT	17.20	3.61%	0.43	1.07

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HDG	32.10	7.00%	0.19	4.57
DIG	23.00	6.98%	0.23	15.02
DTL	13.80	6.98%	0.01	0.13
VCI	44.50	6.97%	0.50	10.26
DCL	29.95	6.96%	0.03	2.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GLT	19.90	9.94%	0.07	0.01
VNT	35.40	9.94%	0.21	0.00
SHS	26.70	9.88%	8.37	33.06
TTT	37.90	9.86%	0.06	0.00
GDW	43.90	9.75%	0.14	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LPB	51.80	-1.33%	-0.46	2.99
PGV	20.80	-0.95%	-0.05	1.12
STG	35.50	-6.33%	-0.05	0.10
BCG	2.61	-6.79%	-0.03	0.88
TDM	58.00	-1.69%	-0.02	0.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	109.00	-6.03%	-0.04	0.01
MVB	18.90	-2.07%	-0.03	0.11
SDU	20.40	-9.73%	-0.03	0.02
THD	27.30	-0.36%	-0.02	0.38
NRC	6.60	-2.94%	-0.01	0.09

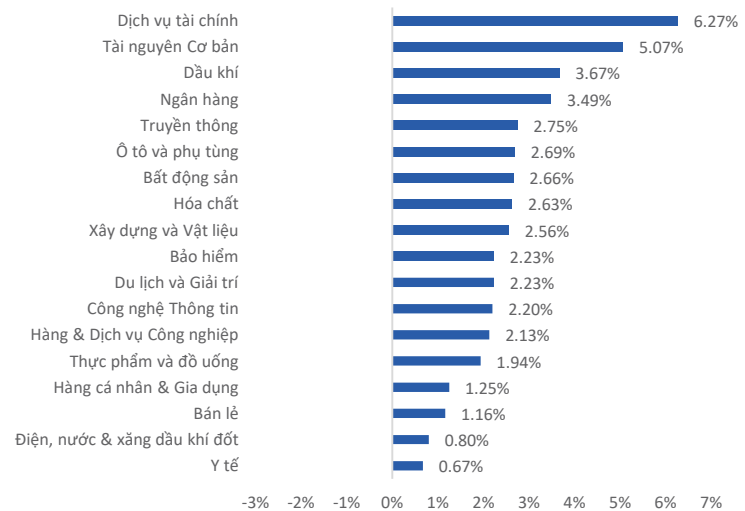
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMD	17.95	-6.99%	0.00	0.05
CCI	24.60	-6.82%	-0.01	0.01
BCG	2.61	-6.79%	-0.03	7.81
TCD	1.96	-6.67%	-0.01	0.71
STG	35.50	-6.33%	-0.05	0.00

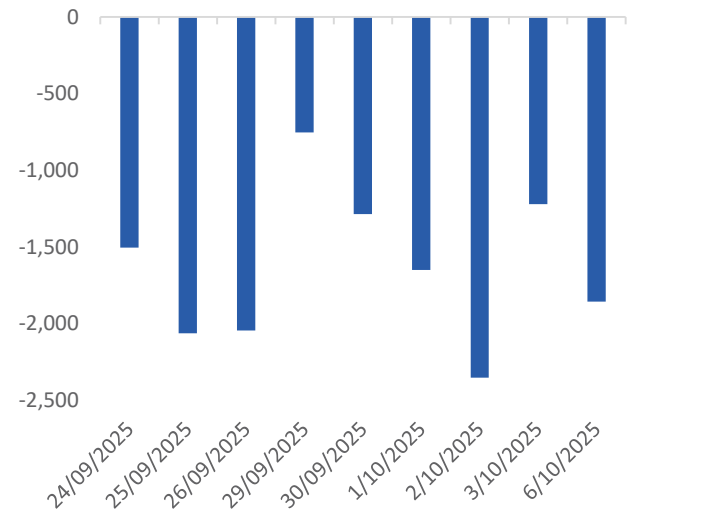
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SDU	20.40	-9.73%	-0.14	0.00
PTX	21.70	-9.58%	-0.05	0.00
SMT	10.60	-9.40%	-0.02	0.00
VLA	9.90	-9.17%	-0.01	0.00
ARM	26.20	-7.09%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	77.6	0.8%	1.3	113,841	747.0	3,304	23.3	100,800	46.6%	Link
KBC	Bất động sản	36.0	3.9%	1.5	32,632	143.4	1,835	18.9	46,000	11.7%	Link
KDH	Bất động sản	33.0	3.9%	1.3	35,630	127.0	716	44.3	39,900	29.3%	Link
PDR	Bất động sản	23.1	6.9%	1.6	21,164	292.9	177	122.3	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	102.7	2.7%	1.0	410,741	613.3	6,984	14.3	92,000	9.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	95.5	2.3%	1.0	159,108	1059.7	5,092	18.3	118,700	36.5%	Link
BSR	Dầu khí	27.3	4.6%	0.0	80,768	135.7	(16)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.3	2.5%	1.4	15,056	81.0	2,644	11.9	42,800	9.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.9	6.9%	1.4	28,133	515.1	1,073	24.3		35.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	40.3	6.9%	1.2	78,158	2140.2	1,569	24.0		37.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	44.5	7.0%	1.2	30,060	452.2	1,368	30.4		25.6%	
DCM	Hóa chất	36.4	4.2%	1.5	18,476	98.6	3,186	11.0	47,300	6.3%	Link
DGC	Hóa chất	92.8	1.4%	1.2	34,750	111.7	8,175	11.2	109,300	12.2%	Link
ACB	Ngân hàng	26.8	4.5%	1.0	131,755	535.3	3,305	7.8	28,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	40.8	2.4%	1.1	279,450	124.1	3,683	10.8	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	52.4	3.2%	1.0	272,796	503.9	5,608	9.1	53,500	26.3%	Link
HDB	Ngân hàng	31.5	4.3%	1.2	105,551	1066.3	4,075	7.4	30,800	16.8%	Link
MBB	Ngân hàng	27.4	3.0%	1.1	213,860	1058.3	3,046	8.7	32,000	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	13.6	3.4%	1.2	40,872	218.8	1,634	8.0	14,000	29.7%	Link
STB	Ngân hàng	59.8	4.9%	0.8	107,457	692.4	6,148	9.3		18.0%	
TCB	Ngân hàng	39.4	2.7%	1.1	271,757	977.7	3,017	12.7	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.9	6.2%	1.3	49,405	605.2	2,423	7.7	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	64.0	3.7%	0.7	515,545	474.5	4,148	14.9	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	20.6	4.1%	0.9	67,229	228.8	2,218	8.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.6	7.0%	1.3	234,051	1493.4	2,193	13.5	35,600	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	29.2	5.6%	1.0	212,227	2131.1	1,750	15.8	34,300	18.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.8	4.2%	1.1	11,209	77.4	751	24.0	23,800	8.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	2.6%	1.3	10,353	75.6	4,124	6.5	31,700	4.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	83.0	3.8%	1.4	115,673	766.2	1,861	43.0	92,700	24.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.4	1.8%	0.4	128,114	252.2	4,101	15.0	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.8	4.38%	1.4	8,767	30.7	2,216	18.1	22.1%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	125.2	1.79%	0.8	20,947	110.9	3,163	38.9	30.1%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.5	2.83%	1.3	39,343	13.4	3,278	16.2	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	23.0	6.98%	1.3	13,898	336.5	211	101.7	4.3%	1.8%	
DXG	Bất động sản	21.3	5.99%	1.3	20,429	405.3	350	57.3	22.3%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.0	5.58%	1.1	5,912	80.0	482	68.8	4.9%	3.8%	
HDG	Bất động sản	32.1	7.00%	1.6	11,099	144.8	540	55.6	18.4%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	38.6	2.12%	1.3	14,345	42.6	3,977	9.5	15.0%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	39.5	5.76%	1.3	14,383	91.3	1,709	21.9	44.0%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	55.8	3.53%	1.4	13,050	10.6	5,215	10.3	3.5%	28.1%	
SZC	Bất động sản	33.7	2.12%	1.1	5,940	13.8	1,978	16.7	2.6%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	22.7	6.07%	1.5	18,590	154.3	1,117	19.2	10.8%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	179.7	1.81%	1.2	680,057	433.1	3,487	50.6	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	35.0	6.87%	1.2	74,418	561.4	1,937	16.9	16.7%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.9	1.92%	1.3	8,290	14.5	1,701	23.0	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	34.2	2.09%	0.8	42,501	31.3	1,661	20.1	15.7%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	21.4	2.88%	1.2	11,562	65.3	1,428	14.6	3.6%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.1	6.00%	1.4	12,127	112.0	1,348	26.0	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	35.6	8.87%	1.7	21,540	413.0	1,501	21.8	5.5%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.8	1.16%	0.8	145,018	25.6	5,002	12.0	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.5	2.85%	1.0	32,903	132.2	636	22.1	2.6%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.0	0.78%	0.7	34,937	17.9	4,417	14.6	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	134.3	3.87%	0.8	76,495	461.4	3,427	37.7	7.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.2	5.14%	1.1	47,376	367.6	1,736	30.3	7.5%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.0	3.19%	1.1	27,691	102.3	3,826	17.2	42.0%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.8	5.19%	0.8	9,119	142.6	5,700	9.5	5.5%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.2	2.54%	1.0	8,341	48.5	2,306	7.7	8.5%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	94.6	0.00%	0.0	11,521	69.2	3,317	28.5	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.2	1.45%	1.0	28,315	29.0	6,115	13.6	48.8%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.6	0.17%	1.1	3,311	37.6	2,693	11.0	49.4%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.6	2.08%	1.3	2,354	7.0	2,841	6.8	17.3%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	24.6	2.29%	1.2	16,352	118.0	957	25.1	6.6%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.6	3.18%	1.9	106,800	64.4	1,331	20.1	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	26.3	4.37%	0.9	46,941	238.6	1,783	14.1	4.9%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	51.8	-1.33%	0.8	156,832	213.8	3,324	15.8	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.1	1.01%	0.0	25,564	27.7	2,260	6.6	1.4%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	13.3	2.71%	1.0	34,353	80.5	1,130	11.4	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.7	5.69%	1.0	7,474	129.0	666	25.1	6.4%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	31.6	2.43%	1.4	8,214	84.1	1,871	16.5	4.6%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	1.60%	0.8	10,474	81.1	1,981	17.4	3.2%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.2	1.32%	0.8	58,421	46.1	3,185	14.3	58.3%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.6	0.91%	1.2	12,367	61.9	6,444	8.6	19.9%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.5	0.35%	0.6	11,542	7.2	13,894	10.2	85.1%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.1	0.73%	1.1	8,368	71.4	4,565	18.1	48.0%	5.2%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	82.8	0.49%	1.4	9,425	29.1	4,930	16.7	5.6%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	46.9	4.57%	1.2	4,521	70.1	2,518	17.8	5.6%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.6	3.65%	1.3	7,486	148.0	1,077	14.0	10.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.3	4.33%	1.1	8,673	34.9	1,189	20.4	14.2%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	28.0	2.75%	0.9	17,616	278.7	1,195	22.8	8.0%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	55.0	3.58%	1.2	23,807	46.0	3,343	15.9	5.8%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
2	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
4	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
7	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
12	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
13	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
14	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
26	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>